TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 420/2022/DS-ST
Ngày: 14-12-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Lệ Thu

2. Ông Nguyễn Như Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Vũ Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2022/TLST-DS ngày 17/5/2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 393/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 296/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP QTVN

Địa chỉ trụ sở: tòa nhà S, số A đường P, phường B, Quận n, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đỗ Quốc A, sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ liên lạc: Tòa nhà Pax Sky, số V, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền số 025328.22 ngày 25/3/2022 của Ngân hàng TMCP QTVN)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1988 và bà Hạ Thanh Thanh T, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: V, tổ 4, khu phố 2, phường T, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2021 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP QTVN và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án thể hiện như sau:

Ngân hàng TMCP QTVN (sau đây viết tắt là Ngân hàng) với ông Nguyễn

Văn Đ và bà Hạ Thanh Thanh T ký Hợp đồng tín dụng số 0501.HDTD.VIB643.17 ngày 02/10/2017 với nội dung: Ông Đ, bà T vay số tiền 900.000.000 đồng. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 1 xe ô tô nhãn hiệu B 320i. Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày 05/10/2017 đến ngày 04/10/2022. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8,09%/năm. Mức lãi suất quy đổi từ một năm có 360 ngày sang cơ sở một năm có 365 ngày là 8,20%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn ưu đãi nói trên lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng 1 lần bằng lãi suất sơ sở theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,89%/năm. Nếu pháp luật có quy định, mức lãi suất quy đổi từ cơ sở một năm có 360 ngày sang cơ sở một năm có 365 ngày sẽ được áp dụng theo công thức sau: Lãi suất quy đổi = (mức lãi suất cho vay với một năm có 360 ngày/360) x 365

Trả gốc hàng tháng vào ngày 25, mỗi tháng 15.000.000 đồng, tháng cuối cùng trả số tiền còn lại là 15.000.000 đồng. Trả lãi hàng tháng vào ngày 25, ngày trả lãi đầu tiên là 25/10/2017. Trả phí: Theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân cho ông Đ, bà T theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0501.KUNN.VIB643.17 ngày 4/10/2017 với số tiền 900.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Đ, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh từ thời điểm 26/01/2018.

Tạm tính đến ngày khởi kiện 25/6/2021, ông Đ, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 61.671.763 đồng, trong đó nợ gốc là 45.394.009 đồng, nợ lãi là 16.277.754 đồng, còn nợ số tiền 1.330.805.263 đồng, trong đó nợ gốc là 854.605.991 đồng, nợ lãi là 172.090.072 đồng, lãi quá hạn là 304.109.200 đồng.

Do đó Ngân hàng yêu cầu ông Đ, bà T trả ngay cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0501.HDTD.VIB643.17 ngày 02/10/2017, và yêu cầu ông Đ bà T phải thanh toán lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp bị đơn không thanh toán số tiền nợ, nguyên đơn không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là phương tiện vận tải nhãn hiệu B, biển số 51G, số khung: WBA3B110X0K098127 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0501.HDTC.VIB.643.17 ngày 02/10/2017.

Bị đơn ông Đ, bà T vắng mặt trong quá trình tiến hành tố tụng nên không có lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu ông Đ, bà T trả số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.273.437,525 đồng, trong đó nợ gốc là 484.605.991 đồng, nợ lãi là 788.831.534 đồng, (lãi trong hạn là 5.956.263 đồng, lãi quá hạn là 782.875.271 đồng), yêu cầu trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và yêu cầu ông Đ, bà T tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký. Không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu B 320i biển số 51G, số khung: WBA3B110X0K098127 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0501.HDTC.VIB.643.17 ngày 02/10/2017 giữa Ngân hàng và ông Đ, bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự vì vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP QTVN yêu cầu bị đơn ông Đ, bà T trả số tiền vay còn nợ, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "tranh chấp hợp đồng dân sự" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn ông Đ, bà T cư trú tại Quận 7 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Xét xử vắng mặt bị đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết, tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Đ, bà T, và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Mặt khác theo kết quả xác minh của Công an phường Tân Phong, Quận 7 thì *"ông Đ, bà T đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 441/3 Lê Văn Lương, tổ 4, khu phố 2, phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Đã bán nhà chuyển đi nơi khác, hiện không thực tế cư trú tại địa phương"*. Như vậy ông Đ, bà T vay tiền của Ngân hàng và biết việc Ngân hàng khởi kiện nhưng cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn và chuyển đi nơi khác không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn là trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và theo hướng dẫn tại Điều 5 và 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì, "*…trường hợp người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về nơi cư trú làm cho người khởi kiện không biết nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ với người khởi kiện…. thì Tòa án giải quyết theo thủ tục chung*", nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Đ, bà T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Căn cứ Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 0501.HDTD.VIB643.17 ngày 02/10/2017 với nội dung: Ông Đ bà T vay số tiền 900.000.000 đồng. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 1 xe ô tô nhãn hiệu B 320i. Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày 05/10/2017 đến ngày 04/10/2022. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8,09%/năm, có cơ sở để xác định bị đơn ông Đ, bà T có vay tiền của nguyên đơn Ngân hàng, do đó Hội đồng xét xử xác định giao dịch dân sự giữa ông Đ, bà T và Ngân hàng là giao dịch dân sự về vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

-Ngày 03/10/2017 ông Đ, bà T được Ngân hàng giải ngân theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 0501.KUNN.VIB643.17 với số tiền 900.000.000 đồng.

-Tính đến ngày khởi kiện ông Đ, bà T còn nợ Ngân hàng số tiền 1.330.805.263 đồng, trong đó: nợ gốc 854.605.991 đồng, nợ lãi là 172.090.072 đồng, lãi quá hạn là 304.109.200 đồng.

-Tính đến ngày 14/12/2022, ông Đ, bà T đã trả được cho Ngân hàng số tiền là 431.671.763 đồng, trong đó trả gốc là 415.394.009 đồng, trả lãi là 16.277.754 đồng, còn nợ số tiền là 1.273.437.525 đồng, trong đó nợ gốc là 484.605.991 đồng, nợ lãi là 788.831.534 đồng, (lãi trong hạn là 5.956.263 đồng, lãi quá hạn là 782.875.271 đồng).

Theo quy định tại Điều 463, và 466 Bộ luật dân sự năm 2015 *"bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"*, do bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với bị đơn: Ngày 26/01/2018 ông Đ, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng chuyển số tiền nợ sang nợ quá hạn. Mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tại thời điểm giải ngân là 8.09%/năm là hoàn toàn tự nguyện, lãi suất quá hạn được quy định tại điểm g Điều 1.4 của Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng (đính kèm hợp đồng tín dụng) bằng 150% lãi suất trong hạn, là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Ông Đ, bà T mới trả được số tiền lãi 16.277.754 đồng, nên Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi còn nợ tính đến ngày 14/12/2022 là 788.831.534 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với các nội dung mà đương sự không yêu cầu, căn cứ quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP QTVN, buộc ông Đ, bà T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay còn nợ là 1.273.437.525 đồng, trong đó nợ gốc là 484.605.991 đồng, nợ lãi là 788.831.534 đồng, (lãi trong hạn là 5.956.263 đồng, lãi quá hạn là 782.875.271 đồng), trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Đ, bà T tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 15/12/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Đ, bà T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mức án phí là 36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 800.000.000 đồng. Ông Đ, bà T phải chịu án phí là 50.203.126 đồng.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 192; 227; 228; 266; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí,

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP QTVN.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Hạ Thanh Thanh T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP QTVN số tiền vay còn nợ là 1.273.437.525 đồng, trong đó nợ gốc là 484.605.991 đồng, nợ lãi là 788.831.534 đồng, (lãi trong hạn là 5.956.263 đồng, lãi quá hạn là 782.875.271 đồng), trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Văn Đ, bà Hạ Thanh Thanh T tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 15/12/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm là 50.203.126 đồng (năm mươi triệu hai trăm lẻ ba ngàn một trăm hai mươi sáu đồng), bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Hạ Thanh Thanh T phải chịu.

[3] Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP QTVN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.962.079 đồng (hai mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi hai ngàn không trăm bảy mươi chín đồng) theo biên lai số 0014355 ngày 17/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày,

kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 9 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- VKS nhân dân Q7, TPHCM;
- Chi cục THADS Q7, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Tố Nhân